
Bản án số: 317/2023/HSST

Ngày: 29/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Long

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Lệ Thi và bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh: Ông Nguyễn Đức Bảo, kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 298/2023/HSST ngày 08/9/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384 ngày 15/9/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Xuân C**; Sinh ngày 16/02/1973; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Xuân T (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T1; Vợ: Nguyễn Thị Minh S và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2023 đến ngày 26/06/2023. Hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Xuân B, sinh năm 1955; Trú tại: khối B, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1978; Trú tại: khối B, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1990; Trú tại: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1993; Trú tại: khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014 đến năm 2015, do cần tiền giải quyết công việc kinh doanh nên anh Phạm Xuân B đã vay tiền của Đào Xuân C nhiều lần với lãi suất cao từ 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm. Trong đó, có các khoản vay đã trả tiền gốc và tiền lãi chỉ còn lại 03 khoản vay anh Phạm Xuân B chưa trả tiền gốc cho C cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 22/6/2014, Đào Xuân C cho anh Phạm Xuân B vay số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên thống nhất với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày.

Khoản vay thứ hai: Ngày 03/12/2014, Đào Xuân C cho anh Phạm Xuân B vay số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Hai bên thống nhất với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày.

Khoản vay thứ ba: Ngày 03/02/2015, Đào Xuân C cho anh Phạm Xuân B vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên thống nhất với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày.

Với số tiền gốc của 03 khoản vay trên ông B chưa trả cho C nên hết tháng 12 năm 2015, C và ông B chốt tổng tiền gốc là 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng). C tiếp tục cho ông B vay số tiền gốc 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng) với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/1 năm. Quá trình trả lãi suất thời gian đầu thì ông B đều trả đủ cho C. Đến tháng 4 năm 2020, do dịch covid nên ông B xin C giảm tiền lãi suất xuống chỉ trả 1.000.000 đồng/530.000.000 đồng/1 ngày thì C đồng ý. Từ tháng 01 năm 2023 cho đến ngày 20/6/2023, ông B tiếp tục xin C giảm tiền lãi suất xuống 500.000 đồng/530.000.000 đồng/1 ngày thì C đồng ý. Hiện tại ông B còn nợ C số tiền gốc là 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

Như vậy với số tiền gốc 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng) chưa được trả từ năm 2014 thì C tiếp tục cho ông B vay từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2020 (821 ngày), với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/1 năm. Tổng số tiền lãi suất ông B đã trả cho C là 1.095.300.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền lãi C được hưởng theo quy định với mức lãi suất 20%/1 năm là 238.427.397 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), số tiền C thu lợi bất chính đối với ông B là 856.872.603 đồng (Tám trăm năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Quá trình trả tiền lãi suất thì ông B hoặc vợ là chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1978, trú tại khối B, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An thường xuyên trả tiền mặt và C có ký nhận, còn chuyển trả tiền lãi suất vào số tài khoản 0101000859859 ngân hàng V và số tài khoản 3601205157762 ngân hàng A đều mang tên Đào Xuân C. Ngoài ra có kế toán Công ty của ông B là các chị Phạm Thị K, sinh năm 1990, trú tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An và Lê Thị Thanh N, sinh năm 1993, trú tại khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An nhiều lần gặp trực tiếp C để trả tiền mặt và đến ngân hàng nộp tiền giúp ông B vào 02 số tài khoản nêu trên của Đào Xuân C để trả tiền lãi suất cho C.

Tại bản cáo trạng số 323/VKS-HS ngày 08/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đã truy tố Đào Xuân C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt tiền bị cáo Đào

Xuân C từ 200.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có cơ sở để kết luận:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2020 Đào Xuân C cho ông Phạm Xuân B vay 530.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương lãi suất 109,5%/1 năm. Tổng số tiền lãi suất ông B đã trả cho C là 1.095.300.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền lãi C được hưởng theo quy định với mức lãi suất 20%/1 năm là 238.427.397 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), số tiền C thu lợi bất chính là 856.872.603 đồng (Tám trăm năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, vi phạm vào khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với nhà nước... nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và quyết định xử phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ nghiêm.

Về vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động và 02 thẻ ngân hàng thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo cho ông Phạm Xuân B vay 530.000.000 đồng. Hiện nay ông B chưa trả cho C số tiền nợ gốc này. Đây là số tiền được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể cần truy thu từ **ông Phạm Xuân B** số tiền 530.000.000 đồng.

Số tiền lãi 238.427.397 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo thu từ ông B là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần tịch thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo.

Đối với số tiền lãi 856.872.603 đồng bị cáo thu từ ông B là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vượt quá 20%/năm. Đây là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên cần trả lại cho người vay tiền. Bị cáo đã trả lại cho ông B 30.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo trả tếp cho ông B 826.872.603 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đào Xuân C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 2 điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đào Xuân C 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho bị cáo Đào Xuân C 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SASMUNG Galaxy A12 màu đen, có số seri: R58R43XLHSA; có số IMEI1: 352884793859431, IMEI2: 353649453859438, bên trong lắp 02 sim số 0913054108, 0989824964 đã qua sử dụng; 01 (Một) thẻ ngân hàng A mang tên DAO XUAN CUONG; 01 (Một) thẻ ngân hàng V mang tên DAO XUAN CUONG nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án (Vật chứng hiện có tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án thành phố Vinh theo phiếu nhập kho vật chứng số NK 2023/293 ngày 14/9/2023).

Truy thu sung quỹ nhà nước từ ông Phạm Xuân B số tiền 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Đào Xuân C số tiền 238.427.397 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

Buộc bị cáo Đào Xuân C trả lại cho ông Phạm Xuân B số tiền 826.872.603 đồng (T2 trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm linh ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đào Xuân C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS, CATP, THADS TP. Vinh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND nơi cư trú của bị cáo
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Huy Long